

Số: 86.../YCBG-BVĐKTV

Vĩnh Long, ngày 23 tháng 7 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: **Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh có nhu cầu báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu **Mua dụng cụ phẫu thuật ngoại khoa – Vật tư can thiệp nội mạch** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm nhận báo giá: Nguyễn Thị Bảo Ngân, nhân viên Phòng Vật tư Thiết bị y tế - Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh, SĐT: 0939.996.599.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Gửi về Phòng Vật tư Thiết bị y tế - Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh, số 399 Đường Nguyễn Đáng, Phường Nguyệt Hoá, tỉnh Vĩnh Long, SĐT: 0294 3862 553.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h ngày 24 tháng 7 năm 2026 đến trước 17h ngày 03 tháng 8 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2026.

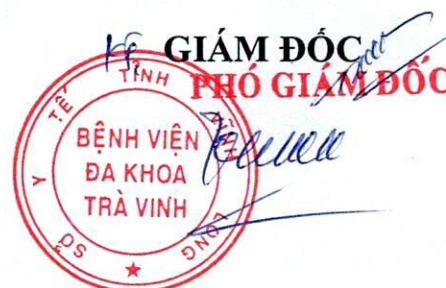
II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục hàng hóa chi tiết: theo danh mục đính kèm
- Địa điểm cung cấp: Phòng Vật tư Thiết bị y tế - Bệnh Viện Đa Khoa Trà Vinh
- Thời gian giao hàng dự kiến: 07 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Sẽ được thiết lập khi thương thảo hợp đồng.

Ghi chú: Đơn vị gửi báo giá theo mẫu báo giá đính kèm.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT; VT-TBYT



BSCKII. *Lạ Thanh Bình*



Phụ lục I
DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm YCBG số: 8.6. /YCBG-BVĐKTV ngày 23. /7 /2026)

I. DỤNG CỤ PHẪU THUẬT NGOẠI KHOA

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Banh ngực trong phẫu thuật xương sườn Finochietto	Banh ngực trong phẫu thuật xương sườn Finochietto Bản banh: 85x65mm Kích thước 175mm. Thép không rỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016. Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu.	Cái	1
2.	Kẹp kim vi phẫu Castroviejo có khóa, loại cong, đầu mũi mảnh dài 12cm	Kẹp kim vi phẫu Castroviejo có khóa, loại cong, đầu mũi mảnh, có lớp TC. Kích thước 12 cm. Thép không rỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016. Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu.	Cái	2
3.	Kẹp kim vi phẫu Castroviejo có khóa, loại cong, đầu mũi mảnh dài 16cm	Kẹp kim vi phẫu Castroviejo có khóa, loại cong, đầu mũi mảnh, có lớp TC. Kích thước 16 cm. Thép không rỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016. Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu.	Cái	2
4.	Kim kẹp kim Barraquer - Cong	Kim kẹp kim Barraquer - Cong. Hàm cong nhẹ 9mm, đầu nhọn, dài 115mm. Không có khóa. Chất liệu: Titan Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu	Cái	2
5.	Kẹp tam giác	Kẹp mô tam giác dài 20cm Thép không rỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016	Cái	8

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu		
6.	Kẹp bulldog lò xo thẳng	Kẹp phẫu tích Bulldog lò xo thẳng dài 3.5cm - 4,5 cm Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu	Cái	8
7.	Kẹp Bulldog lò xo cong	Kẹp phẫu tích Bulldog lò xo cong dài 3.5cm - 4.5 cm Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu	Cái	8
8.	Kẹp Bulldog Dietrich	Kẹp phẫu tích Bulldog Dieffenbach thẳng, dài 3.5 cm Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu	Cái	2
9.	Kẹp Bulldog Dieffenbach thẳng	Kẹp phẫu tích Bulldog Dieffenbach thẳng, dài 3.5 cm Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu	Cái	2
10.	Kẹp Bulldog Dieffenbach cong	Kẹp phẫu tích Bulldog Dieffenbach cong, dài 3.5 cm Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu	Cái	2

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
11.	Kẹp Bulldog Johns Hopkins thẳng	Kẹp phẫu tích Bulldog Johns-Hopkins thẳng, dài 5 cm Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu	Cái	2
12.	Kẹp Bulldog Johns Hopkins cong	Kẹp phẫu tích Bulldog Johns-Hopkins cong, dài 56mm Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu	Cái	2
13.	Kẹp mạch máu Dardik	Kẹp mạch máu Dardik, thẳng, dài 15 - 16 cm Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu	Cái	4
14.	Kẹp mạch máu Cooley	Kẹp mạch máu Cooley Cán thẳng, đầu kẹp cong góc 55°, bề mặt ngàm atraumatic kiểu DeBailey Kích thước: 20cm Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu	Cái	4
15.	Kẹp mạch máu không chấn thương thận UroTangential	Kẹp mạch máu không chấn thương thận Uro- Tangential 26cm kiểu 1 Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu	Cái	2

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
16.	Banh Weitlaner	Banh Weitlaner, 3x4 răng, nhọn, dài 16cm và 12 cm, Thép không rỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu	Cái	4
17.	Kẹp phẫu tích DeBakey	Kẹp phẫu tích DeBakey Atrauma 17cm Thép không rỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu	Cái	4
18.	Banh bụng Balfour	Banh Balfour Kích thước: 25cm. Thép không rỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020 Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng xuất xứ, năm xuất xứ, mã QR theo yêu cầu	Cái	1
19.	Kẹp mạch máu (nội soi phổi cong)	Chất liệu: Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Thông số: Ngàm cong, kích thước 15mm và 25mm, chiều dài 340mm	Cái	2
20.	Kẹp mạch máu (nội soi phổi góc 90o)	Thép không rỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Chất liệu: Thép không gỉ Thông số: Ngàm gấp góc 90°, kích thước 20mm, chiều dài 340mm	Cái	2
21.	Kẹp bông ngàm đầu rắn	Thép không rỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Thông số: Ngàm đầu rắn, có răng cưa, đầu rộng 8mm, kích thước 8mm, chiều dài 340mm	Cái	2
22.	Kẹp bông ngàm oval	Thép không rỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016	Cái	2

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Thông số: Ngàm oval, có răng cưa, kích thước 12mm, chiều dài 340mm		
23.	Kéo phẫu thuật loại thẳng	Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Thông số: Loại thẳng, lưỡi 6.5mm, chiều dài 340mm	Cái	2
24.	Kẹp hạch bạch huyết ngàm răng cưa	Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Thông số: Ngàm răng cưa, kích thước 10mm, chiều dài 360mm	Cái	1
25.	Kẹp kim đầu thẳng	Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Thông số: Đầu thẳng, kích thước 6.5mm, chiều dài 360mm	Cái	1
26.	Kẹp kim đầu cong	Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Thông số: Đầu cong, kích thước 6.5mm, chiều dài 360mm	Cái	1
27.	Kẹp phôi nội soi loại đầu cong	Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Chiều rộng 10mm, đầu kẹp hình tam giác ngược	Cái	2
28.	Ống hút	Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Thông số: Cong, $\Phi 6 \times 220$ mm	Cái	1
29.	Kéo phẫu thuật lưỡi cong	Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016	Cái	2

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		Thông số: Lưỡi cong, mũi tù/tù, chiều dài 300mm		
30.	Kẹp phổi	Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Thông số: Ngàm trơn, dài 250mm	Cái	2
31.	Ống hút	Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Thông số: Cong, $\Phi 6 \times 280$ mm	Cái	1
32.	Kẹp kim	Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Thông số: Ngàm cong, dài 300mm	Cái	2
33.	Kẹp hạch bạch huyết	Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Thông số: Ngàm răng cưa, kích thước 5mm, chiều dài 360mm	Cái	1
34.	Trocar 10,5 đầu tù	Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Thông số: Đầu tù, $\Phi 10.5$ mm	Cái	2
35.	Trocar 5,5 đầu tù	Thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ASTM F899-2020, EN ISO 7153-1:2016 và EN ISO 21850-1:2020. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016 Thông số: Đầu tù, $\Phi 5.5$ mm	Cái	2

II. VẬT TƯ CAN THIỆP NỘI MẠCH

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Thanh nâng ngực đơn các loại, các cỡ	Thanh nâng ngực dùng trong bệnh lý lõm ngực. Kích cỡ : có 2 loại kích cỡ - Dành cho người lớn (loại A): bề rộng thanh $\leq 13\text{mm}$, chiều dài có tối thiểu 11 kích thước từ ≤ 200 đến ≥ 400 (mm) - Dành cho trẻ em (loại B) : bề rộng thanh $\leq 10\text{mm}$, chiều dài có tối thiểu 7 kích thước từ ≤ 160 đến ≥ 280 (mm) - Bề dày thanh 3mm - Có khắc chiều dài và rộng ngay trên thanh. - 2 cạnh có khía răng cưa dùng để buộc chỉ thép. - Sản phẩm có lỗ và khắc ở hai đầu; hai đầu được bo tròn và thiết kế nhỏ thon; chính giữa thanh có dấu đánh dấu để uốn thanh chính xác, mép thanh cùn. - Chất liệu: hợp kim thép 316LVM dùng trong cấy ghép y tế. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO13485 - Tiệt Khuẩn	Cái (1 cái/gói)	20
2.	Thanh nâng ngực các loại, các cỡ kèm ốc/vít	Bộ thanh nâng định hình biến dạng lồng ngực, dùng trong điều trị dị tật lõm ngực, lồi ngực bẩm sinh và các dị tật vừa lồi vừa lõm - Chất liệu: titanium - Cấu tạo: Bộ thanh gồm 2 thanh ghép thành 1 cặp nẹp cố định vào thành ngực bằng ốc vít theo phương pháp bộ thanh kẹp. - Thanh đỡ có bề dày 3mm ở mỗi bên có lỗ. - Thanh nẹp có bề dày 2mm ở mỗi bên có rãnh. - Thanh đỡ và thanh nẹp mỗi thanh đều kèm 2 ốc vít. - Kích thước thanh: 20-40cm - Tiêu chuẩn ISO13485 - Xuất xứ OECD - Tiệt khuẩn	Bộ	5
3.	Nẹp xương sườn nhiều kích cỡ	Mô tả: - Chất liệu: Hợp kim Titanium grade 23 có độ tương thích sinh học cao.	Cái (1 cái/gói)	50

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Nẹp xương sườn có các loại: 5, 7, 9, 13 và 17 lỗ bắt vít. - Chiều dài tương ứng với từng loại nẹp xương sườn: 38mm, 53mm, 68mm, 98mm và 128mm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 - Xuất xứ: OECD - Thời hạn bảo hành: 12 tháng		
4.	Nẹp xương ức dạng khung nhiều kích cỡ	- Chất liệu: Hợp kim Titanium grade 23 có độ tương thích sinh học cao. - Nẹp xương ức dạng khung có các loại: cỡ nhỏ, cỡ trung bình, cỡ lớn và cỡ rất lớn. - Chiều dài tương ứng của từng loại nẹp xương ức: 28.7mm, 62mm, 81mm và 100mm - Số rãnh bắt vít tương ứng với từng loại nẹp xương ức: 4 rãnh, 6 rãnh, 8 rãnh và 10 rãnh. - Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái (1 cái/gói)	5
5.	Vít cố định	- Vít không cần khoan mũi, được làm từ hợp kim Titanium grade 23 có độ tương thích sinh học cao. - Đường kính: 3.4mm. - Chiều dài: Có các loại 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18 và 20mm. - Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái (1 cái/gói)	300
6.	Thanh nâng ngực các cỡ	Chất liệu: Thép không gỉ ASTM F 138/ ASTM F139. Kích cỡ: Có tối thiểu các kích cỡ từ 7 inches đến 17 inches, mỗi cỡ cách nhau 0.5 inch, rộng 12.7mm, dày 2.8mm. - Thanh có tối thiểu 2 loại lựa chọn: Đầu răng cưa hoặc đầu tròn (không có răng cưa) - Đầu thanh bo tròn, có lỗ tròn đường kính 5.1mm hoặc lỗ hình chữ nhật dài 17.5mm. Chính giữa thanh có đường đánh dấu. - Tương thích với miếng cố định cùng hãng, có thể chụp X-quang, tiệt trùng được bằng hơi nước. - Tiêu chuẩn: ISO 13485; FDA 510k (Premarket Notification - Hoa Kỳ)	cái	20
7.	Miếng cố định thanh nâng ngực dạng cầu	- Chất liệu: Thép không gỉ ASTM F 138/ ASTM F139. - Kích cỡ: 6 lỗ/ 8 lỗ/ 12 lỗ, dày 1.2mm	cái	5

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Sử dụng để kết nối và cố định nhiều thanh nâng ngực. - Kèm Clip và đai ốc để cố định thanh nâng ngực các cỡ - Tiêu chuẩn: ISO 13485; FDA 510k (Premarket Notification - Hoa Kỳ)		
8.	Van dẫn lưu khí kiểu Heimlich	Hoạt động như van một chiều để dẫn lưu khí, máu và các chất dịch khác khỏi khoang màng phổi. - Đầu nối kiểu Luer lock cho ống có đường kính 6.8mm - Đầu nối tiếp hợp đa bậc đường kính 6.8mm - Đầu nối dạng phễu màu cam cỡ 16FR - Khoang đệm với van chống trào ngược - Ống PVC 3.55x5.65mm Độ cứng 65A - Ống PVC 4.8x6.8mm Độ cứng 75A, - Ống PVC 6.0x8.8mm Độ cứng 70A	cái	10
9.	Bộ dẫn lưu ngực điều chỉnh áp lực	Dẫn lưu kín 3 khoang. Có van điều chỉnh áp lực: Van xả áp lực dương tránh tràn khí ngược, Van áp lực âm điều chỉnh tay tránh hiện tượng siphon hoặc trào ngược. Có van chống trào ngược, có vị trí tiêm và lấy mẫu xét nghiệm. Có bộ ống dẫn lưu kiểu chống xoắn, có 1 phễu rót	Bộ	20
10.	Bộ dụng cụ tập thở kiểu phế dung kế kích thích	Chất liệu: Copolymere và polystyrene không độc. Có vạch biểu thị các mức khối lượng khí thở ra là 600-900-1200cc mỗi giây, có 3 bóng định mức làm bằng polypropylene không độc, có bộ lọc khí.	Bộ	10
11.	Bộ dụng cụ tuốt tĩnh mạch dùng một lần	Dụng cụ tuốt tĩnh mạch. Dùng kỹ thuật stripping Dây Guide wire bọc nhựa, bên trong nhiều sợi nhỏ. Độ linh hoạt cao, không có hiệu ứng nhớ. Dùng để lột bỏ cả lớp trong và ngoài của tĩnh mạch bị hư. Đầu cắt sắc bén, giảm thiểu tổn thương. Lột bỏ được mạch máu ở những vùng chấn thương nhỏ. Đường kính đầu: 9, 12 và 15 mm. Tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA (Hoặc tương đương).	Cái	20
12.	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng các cỡ	- Dụng cụ khâu cắt nối nội soi các cỡ: - Chất liệu: ghim titanium - Kích thước: Sau khi lắp bằng ghim tương thích có khả năng gấp góc tổng 90 độ 2 bên, gấp góc 45 độ mỗi bên với 5 điểm gấp góc mỗi bên và một điểm ở giữa. Trục dài 16cm - Đặc tính kỹ thuật: Dụng cụ cắt khâu nối nội soi đa năng, tích hợp với	Bộ	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		tất cả các loại băng ghim cắt khâu nối nội soi. các loại, các cỡ, - Tiêu chuẩn: ISO, CE Và CFG		
13.	Băng ghim nội soi dài 45mm, ghim 3.5mm.	- Chất liệu: 66 ghim titanium - Kích thước: dài 45mm, chiều cao ghim 3.0mm- 3.5mm- 4.0mm. - Thiết kế thanh chữ I - Đặc tính kỹ thuật: - Băng ghim nội soi có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm. Chiều cao ghim khi đóng: 1.25mm;1.5mm;1.75mm. - Thanh đe cố định - Ghim đóng hình chữ B chuẩn, khoảng đóng mô mục tiêu 1.5mm - 2.25mm. - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối mổ nội soi thông minh bằng pin sử dụng nhiều lần và dụng cụ khâu cắt nối mổ nội soi bằng cơ cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO, CE Và CFG	Cái	10
14.	Băng ghim nội soi , dài 60mm, ghim 3.5mm.	- Chất liệu: 90 ghim titanium - Kích thước: dài 60mm, chiều cao ghim 3.0mm- 3.5mm- 4.0mm. -Thiết kế thanh chữ I - Đặc tính kỹ thuật: - Băng ghim nội soi có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm. Chiều cao ghim khi đóng: 1.25mm;1.5mm;1.75mm. - Thanh đe cố định - Ghim đóng hình chữ B chuẩn, khoảng đóng mô mục tiêu 1.5mm - 2.25mm. - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối mổ nội soi thông minh bằng pin sử dụng nhiều lần và dụng cụ khâu cắt nối mổ nội soi bằng cơ cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO, CE Và CFG	Cái	20
15.	Băng ghim nội soi cong, dài 45mm, ghim 2.5mm,	- Chất liệu: 66 ghim titanium - Kích thước: dài 45mm, chiều cao ghim 2.0mm- 2.5mm- 3.0mm. - Thiết kế thanh chữ I - Đặc tính kỹ thuật: - Băng ghim nội soi đầu cong có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 2.0mm;	cái	50

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		2.5mm; 3.0mm. Chiều cao ghim khi đóng: 0.75mm;1.0mm;1.25mm. - Thanh đe cố định - Ghim đóng hình chữ B chuẩn, khoảng đóng mô mục tiêu 0.88mm - 1.5mm. - Tiêu chuẩn: ISO, CE Và CFG		
16.	Băng ghim nội soi cong, dài 30mm, ghim 2.5mm.	Chất liệu: 48 ghim titanium - Kích thước: dài 30mm, chiều cao ghim 2.0mm- 2.5mm- 3.0mm. - Thiết kế thanh chữ I - Đặc tính kỹ thuật: - Băng ghim nội soi đầu cong có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 2.0mm; 2.5mm; 3.0mm. Chiều cao ghim khi đóng: 0.75mm;1.0mm;1.25mm. - Thanh đe cố định - Ghim đóng hình chữ B chuẩn, khoảng đóng mô mục tiêu 0.88mm - 1.5mm. - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối mô nội soi thông minh bằng pin sử dụng nhiều lần và dụng cụ khâu cắt nối mô nội soi bằng cơ cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO, CE Và CFG	Cái	15
17.	Dụng cụ bảo vệ vết mổ cỡ nhỏ	Dụng cụ bảo vệ thành vết mổ. Chất liệu Polyurethane dùng cho vết mổ tương ứng với cỡ 2,5-6cm, 2 vòng trên dưới giúp túi co giãn linh hoạt và chắc chắn	Miếng	5
18.	Chỉ nâng mô phẫu thuật cỡ 1.5x45mm	Chỉ nâng đỡ mô bằng silicone, 2 sợi dài 45cm, rộng 1.5mm, màu đỏ/vàng. Tiêu chuẩn EC, ISO.	Tép	100
19.	Chỉ nâng mô phẫu thuật cỡ 2.5x75mm	Chỉ nâng đỡ mô bằng silicone, dài 75cm, đường kính 2.5mm, màu xanh dương. Tiêu chuẩn EC, ISO.	Tép	20
20.	Chỉ thép số 5	Chỉ thép không gỉ , số 5, dài 40-50cm, kim tròn đầu cắt 1/2C 40-50mm. - Độ bền kéo nút thắt 282.7N - Lực tách kim và chỉ 279.2N - Kim tròn đầu cắt 3 mặt 3 Faces dễ xuyên mô xương ức - Đóng tép Multipack dạng thẳng dễ lấy chỉ, tép 5 sợi. - Tiêu chuẩn: CE và FDA	Tép	20
21.	Chỉ tan chậm đơn	Chỉ tan chậm đơn sợi polydioxanone, số 3-0, dài 50-80cm, kim tròn đầu	Tép	30

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
	sợi loại 3-0	vuốt nhọn 1/2C độ dài kim 25-30mm. - Độ bền kéo nút thắt 25.3N - Lực tách kim và chỉ 21.2N - Kim bằng thép không gỉ - Tiêu chuẩn: CE		
22.	Chỉ tan chậm đơn sợi loại 4-0	Chỉ tan chậm đơn sợi polydioxanone, số 4-0, dài 70cm, kim tròn đầu vuốt nhọn taper point 1/2C 20mm. - Độ bền kéo nút thắt 16.5N - Lực tách kim và chỉ 14.7N - Kim bằng thép không gỉ - Tiêu chuẩn: CE	Tép	30
23.	Chỉ không tan đơn sợi số 3-0 2 đầu kim	Chỉ không tan đơn sợi Isotactic polypropylene, cỡ chỉ số 3-0, dài 60-120cm, 2 kim tròn 26mm, 1/2C - Độ bền kéo nút thắt 17.9N - Lực tách kim và chỉ 15.9N - Tép dạng dài dạng dài giảm tính nhớ hình của sợi chỉ Tiêu chuẩn: CE	Tép	50
24.	Chỉ không tan đơn sợi số 4-0, 2 đầu kim	Chỉ không tan đơn sợi Isotactic polypropylene, cỡ chỉ số 4-0, dài 80-100cm, 2 kim tròn 22mm, 1/2C - Độ bền kéo nút thắt 12.7N - Lực tách kim và chỉ 11.1N - Tép dạng dài dạng dài giảm tính nhớ hình của sợi chỉ Tiêu chuẩn: CE	Tép	50
25.	Chỉ không tan đơn sợi số 5-0, 2 đầu kim	Chỉ không tan đơn sợi Isotactic polypropylene, cỡ chỉ số 5-0, dài 70-90cm, 2 kim tròn 18mm, 1/2C - Độ bền kéo nút thắt lớn hơn 7.0N - Lực tách kim và chỉ lớn hơn 6.0N - Tép dạng dài dạng dài giảm tính nhớ hình của sợi chỉ Tiêu chuẩn: CE	Tép	50
26.	Chỉ không tan đơn sợi số 6-0, 2 đầu kim	Chỉ không tan đơn sợi Isotactic polypropylene, cỡ chỉ số 6-0, dài 50-90cm, 2 kim tròn 8-12mm, 1/2C	Tép	50

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Độ bền kéo nút thắt 3-4N - Lực tách kim và chỉ 3-4N - Tép dạng dài giảm tính nhớ hình của sợi chỉ Tiêu chuẩn: CE		
27.	Chỉ không tan đơn sợi số 7-0, 2 đầu kim	Chỉ không tan đơn sợi Isotactic polypropylene, cỡ chỉ số 7-0, dài 50-90cm, 2 kim tròn 6-10mm, 3/8C Tiêu chuẩn tính năng kỹ thuật: - Độ bền kéo nút thắt 1.5-2N - Lực tách kim và chỉ 1-2N - Tép dạng dài giảm tính nhớ hình của sợi chỉ Tiêu chuẩn: CE	Tép	300
28.	Tay dao hàn mạch mổ nội soi hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 37cm	- Ngâm dao được phủ lớp chống dính nano-coated - Hàn mạch/cắt - Đường kính 5mm, chiều dài 37cm (14,6 in) - Dây dao đi kèm tay dao - Trục xoay đầu dao: 350 độ - Hàm Maryland với thiết kế đường viền - Kích hoạt bằng tay hoặc chân - Hình dạng ngàm dao: Cong - Chiều dài vùng hàn mạch 20.3mm - Chiều dài vùng cắt 18.5mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA	Cái	10
29.	Tay dao hàn mạch mổ mở hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 23cm	- Ngâm dao được phủ lớp chống dính nano-coated - Hàn mạch/cắt - Đường kính 5mm, chiều dài 23cm (9 in) - Dây dao đi kèm tay dao - Trục xoay đầu dao: 350 độ - Hàm Maryland với thiết kế đường viền - Kích hoạt bằng tay hoặc chân - Hình dạng ngàm dao: Cong - Chiều dài vùng hàn mạch 20.3mm	Cái	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Chiều dài vùng cắt 18.5mm - Tần số cảm ứng mô Tissue Effect 434.000 lần - Tương thích máy Valleylab LS10, FT10 - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA		
30.	Bóng nong mạch máu ngoại biên	Chất liệu Pebax phủ lớp ái nước Hydrophilic. Đầu vào vị trí tổng thương khoảng 0.020" Có đủ 02 dạng : Monorail và Over-The-Wire Có 02 điểm dấu cân quang (một ở đầu xa và một ở đầu gần) - Thời gian xếp (xả) bóng 10 giây. - Chiều dài Ống thông (Catheter): 40cm, 80cm, 90cm, 135cm, 150cm. - Đường kính bóng: 2-10mm - Chiều dài bóng: 10-220mm - Tương thích dây dẫn: 0.014"/0.018" - Áp lực vỡ bóng tối đa ≤ 14 atm - Tiêu chuẩn CFS và CFG và CE	Cái	5
31.	Bóng nong mạch máu ngoại biên	Bóng nong mạch máu ngoại biên (mạch ngoại vi) với lớp phủ Hydrophilic (Bioslide) được phủ từ đầu xa đến sát gần bóng và lớp phủ Hydrophobic (Xtra) được phủ từ đầu xa đến ngay sát bóng nong. Có đủ hai dạng Monorail và Over the wire với chiều dài khoảng 90cm và 150cm. - Đầu vào vị trí tổn thương 0.017". Đường kính vượt tổn thương 0.030". - Có 01 điểm cân quang hoặc 02 điểm cân quang (đường kính từ 2.0 - 4.0mm), chất liệu bằng Platinum Iridium - Chất liệu: Nybax hoặc Pebax - Đường kính bóng từ 1.5mm đến 4.0mm. - Chiều dài bóng từ 40mm đến 220mm. Áp lực tối đa ≤ 14atm (đường kính 1.5mm-3.0mm) và ≤ 12atm (đường kính 3.5mm và 4.0mm dài 20mm, 30mm, 40mm) Tương thích dây dẫn 0.014". Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và FDA	Cái	10
32.	Bóng nong áp lực	Chất liệu Nybax, phủ Mediglide trên thân bóng từ đầu xa đến sát đầu	Cái	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
	cao	gắn. - Thiết kế với một đầu được nối với ống nối hình chữ Y có khóa luer - Thiết kế đầu nhọn và đầu vào vị trí tổn thương khoảng 0.040" - Đường kính từ: 3mm - 12mm - Chiều dài từ: 20mm - 200mm - Tương thích dây dẫn: 0.035" - Chiều dài ống thông (Catheter): 40cm, 75cm, 135cm. - Áp suất vỡ bóng tối đa ≤ 24 atm - Tiêu chuẩn CFG và CFS và FDA và CE		
33.	Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ thuốc	Chất liệu Pebax - Lớp phủ thuốc công nghệ Transpax giúp giải phóng thuốc hiệu quả vào mô, mật độ phủ thuốc $2\mu\text{g}/\text{mm}^2$. - Đường kính: 2-8mm - Chiều dài: 30 - 200mm - Tương thích dây dẫn: 0.014"/0.018" - Có hai dải đánh dấu cản quang (một đầu ở gần, một đầu ở xa) - Chiều dài hệ thống: 80cm, 90cm, 135cm và 150cm. Ống thông có chiều dài hoạt động 90 cm có một dải đánh dấu ở mức 50 cm và hai dải đánh dấu ở mức 60 cm. Ống thông có chiều dài hoạt động 150 cm có một dải đánh dấu ở 90 cm và hai dải đánh dấu ở mức 100 cm. - Áp suất tối đa ≤ 14 atm. - Tiêu chuẩn FDA	Cái	5
34.	Bóng nong dùng can thiệp mạch máu ngoại biên có gắn lưới dao nhỏ	Chất liệu bóng polyethylene terephthalate (PET). Thiết kế lưới dao hình chữ T. Chất liệu thép (Aermet) - Có 04 lưới dao (dao vi phẫu) gắn trên thân bóng. - Có 02 điểm đánh dấu cản quang - Bóng OTW tương thích dây dẫn 0.018". Lưới dao dài 2cm + Đường kính: 5,6,7,8 mm + Chiều dài bóng: 20mm + Áp suất vỡ: ≤ 10 atm	Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Tiêu chuẩn: FDA và CFS		
35.	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên	Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 0.014", chiều dài 182cm; 300 cm. Đoạn từ tính 74cm có đường kính thực có thể lên tới 0.015" (0.039mm). Dây lõi nhọn đầu phía xa được bọc polymer 10cm hoặc 38cm và phủ Hydrophilic ICE. Loại đầu: đầu thẳng có thể uốn được và một đầu gấp khúc uốn được. Chất liệu lõi Scitanium giúp tiếp cận tổn thương dễ dàng. 2 cm đầu xa của dây dẫn có phủ chất cản quang và có thể tạo hình linh hoạt. Đầu gần của dây dẫn được phủ polymer đã fluorin hoá. Tip load 3gr, 6gr. Tùy chọn đầu thuôn ngắn và dài để tối ưu hóa độ cứng và khả năng dẫn đường, kiểm soát mô men xoắn giúp điều hướng hiệu quả tới tổn thương. Tiêu chuẩn CFG	Cái	10
36.	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên	Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên. Đường kính 0.018 in, chiều dài lý thuyết 110, 150, 200 và 300 cm. Chất liệu lõi Scitanium giúp tiếp cận tổn thương dễ dàng. Đầu xa của dây dẫn chứa một dây lõi được bọc một loại polymer có cản quang và được phủ ICE Hydrophilic. Đầu xa 2cm của dây dẫn có thể tạo hình linh hoạt. Đầu gần của dây dẫn được phủ bằng Polytetrafluoroetylen (PTFE). Tip load 6gr, 8gr. Chiều dài đầu tip 8cm, 12 cm. Lựa chọn linh hoạt hai loại tip load giúp cân bằng khả năng dẫn đường và độ linh hoạt ở đầu xa, chỉ định trong các tổn thương hẹp và tắc mạch. Tiêu chuẩn CFG	Cái	10
37.	Dây dẫn tăng cường	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên, chất liệu thép không gỉ, phủ lớp Polytetrafluoroethylene (PTFE). Cấu trúc dây dẫn phẳng để tạo thành một dây dẫn có lõi bên trong lớn hơn. Độ cứng tăng thêm giúp cung cấp thêm lực để đưa vào dễ dàng hơn và tạo ổn định tốt hơn trong quá trình cài đặt và trao đổi ống thông. Thiết kế đầu tip dạng spring coil. Đầu tip linh hoạt, đầu xa có thể tạo	Cái	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		hình 3cm. Đường kính 0.035", 0.038" Chiều dài: 75cm, 145cm, 180cm và 260 cm. Loại đầu tip: đầu thẳng, đầu chữ J Chiều dài đầu tip: 1cm, 4cm, 6cm, 7cm Tiêu chuẩn CFS và CFG và ISO		
38.	Stent kim loại tự bung ngoại biên	Giá đỡ mạch ngoại vi (SFA, Khoeo gần,) - Chất liệu Nitinol (hợp kim niken-titan), thiết kế close và open cells. - Ở đầu gần và đầu xa của giá đỡ (Stent) có các điểm đánh dấu cản quang bằng Tantalum. - Đường kính từ: 5-8mm- Chiều dài từ: 20mm - 200mm - Chiều dài ống thông (Catheter): 75cm, 130cm - Dây dẫn tương thích: 0.035" - Tiêu chuẩn CFS và CFG	Cái	3
39.	Stent kim loại tự bung ngoại biên	Giá đỡ mạch ngoại vi (động mạch chậu, đùi nông SFA hoặc động mạch khoeo gần PPA) - Khung giá đỡ làm bằng Nitinol (hợp kim Niken -titan), thiết kế Tandem, hệ thống thanh Micro và Macro - Ở đầu gần và đầu xa của giá đỡ (Stent) có các điểm đánh dấu cản quang bằng Tantalum. - Đường kính từ : 5mm -14mm - Chiều dài từ: 20mm - 120mm - Chiều dài ống thông (Catheter): 75cm, 120cm. - Dây dẫn tương thích: 0.035" - Tiêu chuẩn CFS	Cái	3
40.	Stent kim loại nở bằng bóng	Giá đỡ mạch máu gắn trên bóng dùng trong can thiệp mạch máu ngoại vi, - Chất liệu khung giá đỡ (Stent) làm bằng thép không gỉ 316L, được bung bằng bóng với áp suất nổ $\leq 12\text{atm}$, - Tandem Architecture với hai hệ thống thanh stent Micro và Macro xen kẽ	Cái	10



STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Đường kính: 5,6,7,8,9,10mm có thể nong đường kính tối đa tới 11mm- - Chiều dài: 17-57mm - Đầu xa Catheter 36cm phủ Hydrophilic với công nghệ Hydropass. - Chiều dài ống thông (Catheter) 75cm, 135cm, - Dây dẫn tương thích: 0.035" - Tiêu chuẩn CFS và CFG		
41.	Khung giá đỡ mạch máu ngoại biên phủ thuốc	Giá đỡ mạch ngoại vi phủ thuốc Paclitaxel (SFA, khoeo) - Chất liệu Nitinol (hợp kim Niken-titan), mật độ phủ thuốc 0.167 $\mu\text{g}/\text{mm}^2$. - Đầu gần và đầu xa được đánh dấu cản quang bằng Tantal - Đường kính: 6,7mm - Chiều dài: 40,60,80,100,120,150mm - Chiều dài Catheter: 75cm, 130cm, - Sheath tương thích: 6F. Dây dẫn tương thích: 0.035" - Tiêu chuẩn FDA và CFS	Cái	3
42.	Khung giá đỡ (Stent) can thiệp mạch máu ngoại biên	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên. Giá đỡ làm từ dây siêu hợp kim sinh học có lõi cản quang, được bện thành cấu trúc lưới hình ống, tạo ra một giá đỡ linh hoạt, giãn nở và tự bung. Chất liệu: hợp kim Elgiloy, Đường kính: 5 -24 mm. Chiều dài: 20 - 145 mm. Chiều dài trực thân: 75cm, 135cm. Stent tự bung bằng sheath, có thể bung ra và thu lại khi chưa kéo sheath đến marker giới hạn. Thiết kế closed-cell tối ưu hóa việc bao phủ tổn thương và cung cấp 1 lòng mạch trơn láng. Dây dẫn tương thích: 0.035". Sheath tương thích: 6-12F.	Cái	5
43.	Vi ống thông (Microcatheter) dùng trong can thiệp mạch	Lớp phủ ái nước giúp tăng độ trơn láng. Đầu xa phủ hydrophilic, thân catheter và hub trong suốt. Đầu tip màu tím, thon dần. + Có 3 điểm đánh dấu cản quang nằm cách đều nhau dọc theo trục đầu	Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		xa. + Đường kính: 0.014", 0.018", 0.035". + Chiều dài: 65cm, 90cm, 135cm, 150 cm.		
44.	Vi ống thông (Microcatheter) dùng trong can thiệp mạch	Vi ống thông can thiệp mạch máu ngoại vi với mặt ngoài đoạn đầu xa của vi ống thông được phủ lớp hydrophilic Hydro Pass (1), chất liệu được bện bằng dây thép không rỉ, phù hợp dây dẫn có đường kính ≤ 0.018 inch. - Đường kính ngoài dọc theo chiều dài của ống từ 3.0F khu vực cứng đầu gần đến 2.4F khu vực mềm đầu xa. - Đường kính trong của vi ống thông nhỏ nhất ở khu vực đầu xa và đầu gần là 0.021 inch. - Chiều dài: 105cm, 130cm, 150cm - Thiết kế 01 điểm cân quang ở đầu xa, tương thích hạt hình cầu 700 micron hoặc hạt không hình cầu 500 micron. - Sản phẩm cũng bao gồm một trục tạo hình bằng hơi và một van cầm máu dạng xoay (RHV). - Áp suất truyền ≤ 6895 kPa (1000 psi), Áp suất tĩnh ≤ 2070 kPa (300 psi). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và FDA	Cái	10
45.	Bóng nong mạch ngoại vi phủ thuốc	Bóng nong mạch ngoại vi phủ thuốc Sirolimus $1.0\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Kết hợp giữa thuốc sirolimus và polymer phân hủy sinh học: tạo thành hàng triệu hệ thống phân phối thuốc chính xác. Sử dụng công nghệ kết dính tế bào (công nghệ lipid lưỡng tính) giúp liên kết thuốc sirolimus và polymer với bề mặt bóng, bảo vệ chúng trong quá trình đưa bóng vào và nong bóng. Tối ưu hóa việc chuyển thuốc sirolimus và polymer tới mô và tối đa hóa sự hấp thu sirolimus của tế bào. - Thiết kế ống thông: OTW, Chiều dài ống thông khả dụng: 135 cm - Tương thích dây dẫn: 0.018" - Đầu tip: 0.021"	Cái	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Đường kính bóng đủ các cỡ: 2.0mm, 2.50mm, 3.0mm, 3,50mm, 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm - Chiều dài bóng đủ các cỡ: 40mm, 60mm, 80mm, 100mm, 120mm, 150mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, Chứng nhận CE Châu Âu, CFS. - Xuất xứ: Châu Mỹ		
46.	Bóng nong (balloon), bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, bóng tách ròi, bóng chẹn các loại, các cỡ	Hệ thống RX với lòng trong ống dài 60cm tăng cường lực đẩy cho tổn thương ở đoạn xa. Chất liệu bóng: Nylon/ Pebax, bóng cứng không giãn nở (Non-Compliant) Công nghệ Z-Tip, chiều dài đầu tip từ 3 - 5 mm. Lớp phủ ái nước Hydro-X (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước Invio (lòng trong ống) Tiết diện thâm nhập đầu tip (tip entry profile): 0.017 inch Đường kính thân bóng (crossing profile): 0.039 inch Áp lực thường 12 atm. Áp lực vỡ bóng: 18-22 atm. Dây dẫn tương thích: 0.014 inch. Đường kính bóng từ 1.5 – 6 mm. Chiều dài bóng từ 15 – 240 mm. Số marker cản quang: 2-4 Chiều dài ống: 150 cm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE Nhóm nước sản xuất: châu Âu	Cái	10
47.	Bóng nong (balloon), bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, bóng tách ròi, bóng chẹn các loại, các cỡ	Hệ thống OTW - Chất liệu bóng: Nylon/ Pebax - Bóng cứng không giãn nở (Non-Compliant) đảm bảo an toàn và độ chính xác, phân bổ áp lực đồng đều (giảm thiểu hiệu ứng xương chó) trong quá trình nong bóng. - Công nghệ Z-Tip mang lại khả năng đi qua tổn thương vượt trội. - Lớp phủ ái nước (đầu tip và trục xa), Lớp phủ kháng nước (lòng trong ống)	Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Áp lực thường 10 - 12 atm. Áp lực vỡ bóng: 16 atm - 20 atm. - Dây dẫn tương thích: 0.014", 0.018", 0.035" - Đường kính bóng từ 1.5 – 7.0 mm. - Chiều dài bóng từ 20 – 240 mm. - Số marker cản quang: 2 (20 - 150 mm); 4 (180 & 240 mm)- Chiều dài hệ thống ống: Bóng 014 & 018: 90, 150, 200 cm - Bóng 035: 75, 135, 200 cm - Tương thích dụng cụ mở đường (sheath) 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE - Nhóm nước sản xuất: G20		
48.	Vi ống thông (micro-catheter) các loại, các cỡ	Thiết kế ống Shinka cho phép xoay cả hai chiều thông qua tổn thương khó, đầu tip kim loại bền vững tiết diện thâm nhập 0.020 inch (0.5 mm), đoạn ống 100 mm từ đầu tip có độ hỗ trợ cao. Đường kính ngoài (tip/ distal): 1.5F/2.3F Dây dẫn tương thích 0.014 inch Lớp phủ ái nước 23, 30, 70, 115cm Chiều dài khả dụng: 60, 90, 135, 150 cm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE Nhóm nước sản xuất: ASEAN	Bộ	20
49.	Vi dây dẫn đường (micro guide wire) các loại, các cỡ	Tip load 1.0gf, 4.0gf, 12.0gf, 20.0gf, 30.0gf, 40.0gf - Đường kính dây 0.014inch, 0.018inch - Dây dẫn đơn lõi one-piece core mang lại độ phản hồi mômen xoắn chính xác - Chiều dài 180cm, 190cm, 200cm, 300cm - Lớp phủ SLIP-COAT ái nước (trừ đầu tip)/ ái nước trên nền polymer - Hình dạng đầu tip: thẳng/ định hình sẵn/ đầu tip hình chóp (micro-cone) hoặc thuôn nhọn (tapered) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA 510k Nhóm nước sản xuất: ASEAN	Cái	10
50.	Vi dây dẫn đường (micro guide wire)	Tip load 3.0gf, 4.0gf, 7.5gf, 12.0gf - Đường kính dây 0.014inch, 0.018inch	Cái	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
	các loại, các cỡ	- Dây dẫn đa lõi theo công nghệ ACT ONE và cấu trúc lõi hình trụ tròn tăng khả năng truyền moment xoắn và độ bền đầu tip cao - Chiều dài 190cm, 200cm, 235cm, 300cm - Lớp phủ SLIP-COAT ái nước (trừ đầu tip)/ ái nước trên nền polymer - Hình dạng đầu tip: thẳng/ định hình sẵn/ đầu tip hình chóp (micro-cone) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA 510k Nhóm nước sản xuất: ASEAN		
51.	Ống thông (catheter) các loại, các cỡ	Kích cỡ: 4F, 5F - Đường kính trong đầu tip: 0.038 - 0.042 inch - Đường kính trong của ống: 0.042 inch/1.07mm - 0.048 inch/1.20mm - Áp suất tối đa 1200 PSI- Cấu trúc nylon 3 đoạn tăng cường khả năng chống xoắn, giảm hiện tượng bị giựt. - Thân ống công nghệ THRULUMEN™ được bện từ các sợi thép không gỉ với chất liệu chống đông máu - Lớp phủ MDX/SLX™ giúp di chuyển trong lòng mạch trơn mượt - Đầu tip neon 3 lớp có tungsten, mềm & cân quang giúp hạn chế chấn thương, tăng độ hiển thị - Dây dẫn tương thích 0.035inch, 0.038 inch - Chiều dài ống: 40, 65, 80, 90, 100, 110, 125cm - Các shape: Straight, Pigtail, Universal Flush, MP, Mani, Berenstein, Vertebral, Newton, Sidewinder, Headhunter, Cobra, Renal, Uni Select, Shepherd Hook, J-Curve, Bentson Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE Nhóm nước sản xuất: OECD	Cái	20
52.	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu các loại, các cỡ (bao gồm: kim chọc, dây dẫn, ống có van tạo đường vào lòng)	Công nghệ SLIX-VALVE (van cầm máu thiết kế 6 cạnh xoắn cắt) hỗ trợ di chuyển ống thông tự do mà không bị trào ngược máu hoặc hút khí. Ống cannula 2 lớp đàn hồi, tăng cường chống xoắn giúp linh hoạt, dễ dàng tiếp cận mạch quanh co. Lớp phủ silicone (cannula và dilator) Đoạn xa đầu tip được phủ lớp Tungsten giúp định vị cân quang tốt hơn.	Bộ	50

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
	mạch - introducer sheath)	Chiều dài sheath: 4.5 - 90cm Kích thước: 4-11 F Đường kính tip của dilator: 25mm, 35mm, 45mm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE Nhóm nước sản xuất: OECD		
53.	Bóng nong (balloon), bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, bóng tách rời, bóng chẹn các loại, các cỡ	Bóng phủ thuốc Paclitaxel Liều lượng thuốc: 3.0 µg/mm ² Tiết diện thâm nhập đầu tip (tip entry profile): 0.017" (0.43 mm) Cấu trúc vi tinh thể hình kim của Paclitaxel hoạt động như một kho dự trữ chứa thuốc và duy trì giải phóng liên tục trong 30 ngày. Cấu trúc truyền thuốc ở cấp độ phân tử: Butyryl-Tri-Hexyl Citrate (BTHC) Vùng phủ thuốc: Phần hình trụ và đoạn thuôn lại của bóng2 dải marker cân quang Platinum Iridium Số nếp gấp bóng: 3 (Ø2.0 – 2.5); 5 (Ø3.0 – 7.0)Sheath tương thích: 5F (Ø2.0 – 5.0); 6F(Ø6.0 – 7.0) Dây dẫn đường kính tối đa: 0.018" (0.46 mm) Đường kính bóng: 2.0, 2.5, 3.0, 4.0, 5.0, 6.0, 7.0 mm Chiều dài bóng: 40, 60, 80, 120, 150 mm Áp lực thường: 7 atmÁp lực ngưỡng: 11 - 13 atm Chiều dài khả dụng của ống thông: 85, 150 cm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE Nhóm nước sản xuất: G7	Cái	5
54.	Bóng nong động mạch ngoại biên, catheter phủ lớp ái nước bền vững	Cấu trúc: - Chất liệu Nylon và Pebax. Hệ thống loại OTW - Phủ lớp ái nước bền vững Hydrax - Có 3 loại tương thích với 3 dây dẫn tương ứng: 0.014", 0.018", 0.035" - Tiết diện đầu vào tương ứng: 0.017", 0.019", 0.036" - Tiết diện băng qua tổn thương nhỏ nhất tương ứng: 0.021", 0.029", 0.057"	Cái	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		- 2 điểm đánh dấu cản quang Pt-Ir- Áp lực thường: 6/7 atm- Áp lực căng bóng tối đa: 16 atm - Áp lực vỡ bóng trung bình: 20/22/23 atm Kích thước: - Chiều dài catheter (cm): 80, 100, 140, 150 - Đường kính (mm): 1.25-12mm - Chiều dài (mm): 10, 15, 20, 40, 60, 80, 120, 150, 200mm- Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu). Xuất xứ: Châu Âu		
55.	Bóng nong động mạch ngoại vi phủ thuốc các cỡ	Cấu trúc: - Chất liệu: Nylon và Pebax. Hệ thống loại OTW - Phủ thuốc paclitaxel. Nồng độ thuốc 3 μ g/mm ² . - Có 3 loại với 3 dây dẫn tương thích tương ứng: 0.014", 0.018", 0.035" - Tiết diện đầu vào tương ứng: 0.017", 0.019", 0.036" - Tiết diện bằng qua tổn thương nhỏ nhất tương ứng: 0.026", 0.035", 0.065" - 2 điểm đánh dấu cản quang Pt-Ir - Áp lực thường: 6/7 atm - Áp lực căng bóng tối đa: 14/16 atm - Áp lực vỡ bóng trung bình: 20/22/23 atm Kích thước: - Chiều dài catheter (cm): 80, 100, 140, 150 - Đường kính (mm): 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 5.0, 6.0, 7.0, 8.0 - Chiều dài (mm): 20, 40, 60, 80, 120, 150, 200 - Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu). Xuất xứ: Châu Âu	Cái	5
56.	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung	Cấu trúc: - Sử dụng vật liệu nitinol. Độ dày 180 - 190μm - Có thiết kế tay cầm với thanh cuộn giúp kiểm soát quá trình nhả stent - Thiết kế mắt mở với catheter 3 lớp sheath, lớp trong phủ PTFE giúp nhả stent mượt mà	Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Tương thích với dây dẫn 0.035" - Tương thích với introducer 6F - Ống thông dẫn đường tương thích 8F - Có 4 marker chất liệu Tantalum ở mỗi đầu stent và 3 điểm đánh dấu cản quang trên ống thông - Tỷ lệ co ngán sau khi mở stent: <5% Kích thước: - Chiều dài catheter (cm): 70-140 - Đường kính (mm): 5, 6, 7, 8, 9, 10 - Chiều dài (mm): 40, 60, 80, 100, 150, 200 - Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu). Xuất xứ: Châu Âu		
57.	Catheter hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên	Catheter được bện, thân thiết kế thuôn để tăng khả năng đẩy vào tổn thương. - Trên thân có 4 marker vonfram giúp đánh dấu vị trí catheter và chiều dài tổn thương. Mỗi marker cách nhau 40mm. - Có 2 loại đầu cong: thẳng và gấp góc 30 độ. Tương thích guidewire 4F - Tương thích dây dẫn 0,014"; 0,018"; 0,035" - Chiều dài ống thông: 65, 90, 130, 150 cm - Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu). Xuất xứ: Châu Âu	Cái	10
58.	Stent ngoại biên có màng bọc chất liệu PTFE	- Stent ngoại biên có màng bọc bung bằng thiết kế mắt mở và liên kết luân phiên. - Chất liệu khung CoCr L605. Chất liệu màng ePTFE có độ linh hoạt cao, giúp tăng khả năng nở rộng so với đường kính danh nghĩa. - Khả năng nở rộng: đường kính từ 5-8mm có thể nở đến 10mm, đường kính từ 9-10mm nở đến 12mm. - Mỗi đầu stent có 3 điểm đánh dấu cản quang. - Áp lực định danh của bóng: 9 atm. Áp lực vỡ: từ 13-15 atm.- Dây dẫn tương thích: 0.035". - Tương thích dụng cụ mở đường: 6F, 7F - Chiều dài Catheter: 80cm và 140cm.	Cái	3

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		-Đường kính stent: 5, 6, 7, 8, 9, 10mm. Chiều dài 17, 27, 37, 57mm. - Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu). Xuất xứ: Châu Âu		
59.	Giá đỡ (Stent) động mạch ngoại biên tự bung	Khung giá đỡ động mạch ngoại biên tự bung Đường kính: 5,6,7,8 mm Chiều dài 20-200mm. Chiều dài hệ thống: 80-120cm, tương thích với dây dẫn 0.035". Khung giá đỡ thiết kế 3 đỉnh sóng (Three-wave) chống lực nén và cung cấp áp thành mạch cho khung stent. Tương thích với dụng cụ mở đường 6F. Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE/EU (hoặc FDA)	Cái	5
60.	Giá đỡ (Stent) mạch ngoại biên tự bung	Khung giá đỡ mạch ngoại biên tự bung. marker bắt cản quang chất liệu Tantalum tăng cường khả năng hiển thị. Đường kính 9-14mm, chiều dài 20-80mm, độ dài ống thông có gắn stent 80cm-120cm, sử dụng dây dẫn 0.035" - Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE/EU (hoặc FDA)	Cái	5
61.	Giá đỡ (Stent) mạch ngoại biên với thiết kế một tay cầm, đường kính 5.0-8mm, dài 20-150mm	Giá đỡ mạch chi tự bung. Tương thích với guidewire 0.035", hệ thống can thiệp 5F. Hệ thống thả được thiết kế đặc biệt (One hand) giúp việc thả stent đơn giản, ngoài ra với thiết kế ba trục (Triaxial System) nhằm kiểm soát tối đa mức độ chính xác của vị trí bung stent. Chiều dài hệ thống: 80,120,150cm Đường kính stent: 5,6,7,8mm Chiều dài stent: 20,40,60,80,100,120,150mm. - Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE/EU (hoặc FDA)	Cái	5
62.	Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ đường kính 1.5-6.0mm, dài 20-	Bóng nong mạch ngoại biên. Catheter loại: OTW(Over the wire). Bóng sử dụng guide wire 0.014". Có marker kép ở giữa bóng. Tương thích với sheath 4F, 5F,6F Đường kính bóng: từ 1.5 - 6.0mm	Cái	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
	210mm	Chiều dài bóng: từ 20-210mm. Chiều dài hệ thống: 90cm và 150cm. - Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE/EU (hoặc FDA)		
63.	Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ đường kính 3-12mm, dài 20-200mm	Bóng nong mạch ngoại biên tương thích với dây dẫn đường kính tối đa 0.035". Đường kính từ 3 tới 12 mm, độ dài từ 20 tới 200 mm độ dài ống thông có gắn bóng 40, 80, 135 cm. áp lực vỡ bóng (RBP) tối đa 20atm. Loại bóng: Bán cứng (Semi- compliant) Thiết kế dây dẫn lõi kép (Dual lumen) Phần xa của ống thông có lớp phủ ái nước(hydrophillic coating) Hai marker đánh dấu. - Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE/EU (hoặc FDA)	Cái	10
64.	Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ đường kính 4.0-12.0mm, dài 20-100mm	Bóng nong ngoại biên áp lực cao. Catheter loại: OTW(Over The Wire). Bóng tương thích với dây dẫn đường kính tối đa 0.035". Tương thích với sheath 6F, 7F Đường kính bóng: 4.0; 5.0; 6.0; 7.0; 8.0; 9.0, 10, 12mm. Chiều dài bóng: 20,40,80,100mm. Áp lực vỡ bóng lên tới 24atm. Chiều dài ống thông : 40cm, 80cm, 135cm - Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE/EU (hoặc FDA)	Cái	10
65.	Bóng nong mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel đường kính 4.0-12mm, dài 40-150mm	Phủ thuốc Paclitaxel 3.5µg /mm ² , chất dẫn Urea giúp kiểm soát hiệu quả quá trình giải phóng thuốc - Bóng có đường kính 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12 mm, chiều dài của bóng 40, 60, 80, 120, 150 mm - Chiều dài hệ thống 40 cm, 80cm và 130cm - Introducer 5F, 6F, 7F, 9F - Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE/EU (hoặc FDA)	Cái	5
66.	Bộ dụng cụ mở	Chất liệu: Polymer tăng cường vòng xoắn Stainless Steel, lớp trong	Cái	30

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
	đường vào mạch máu các loại, các cỡ (bao gồm: kim chọc, dây dẫn, ống có van tạo đường vào lòng mạch - introducer sheath)	PTFE. Đường kính: 4F, 5F, 6F, 7F, 8F. Chiều dài: 45cm, 65cm, 90cm. Hình dạng ống thông: đầu cong và đầu thẳng. Lớp phủ: Hydrophobic (30cm đầu xa, chỉ 5F, 6F, 7F và chỉ 8F). Marker: Platinum (thấy rõ dưới cản quang). Hệ thống dây dẫn: 0.035". Đạt chứng nhận: FDA, CFS, ISO, CE.		
67.	Bóng nong (balloon), bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, bóng tách rời, bóng chẹn các loại, các cỡ	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên. Thiết kế hệ thống: Over The Wire. Dạng bóng: Controlled Compliance (kỹ thuật xếp 3 cạnh). Chất liệu bóng: SCP (Semi-Crystalline Polymer). Lớp phủ: Hydrophilic. Đường kính bóng: 1.5- 4mm. Chiều dài bóng: 20mm, 40mm, 70mm, 100mm, 140mm, 180mm, 220mm. Chiều dài hệ thống: 90cm, 120cm, 150cm. Marker: 2 marker rập khuôn. Hệ thống dây dẫn: 0.014". Đạt chứng nhận: FDA, CFS, ISO, CE.	Cái	5
68.	Bóng nong (balloon), bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, bóng tách rời, bóng chẹn các loại, các cỡ	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên. Thiết kế hệ thống: Over The Wire. Dạng bóng: Controlled Compliance (kỹ thuật xếp 5 cạnh giúp bóng xếp nhỏ lại). Chất liệu bóng: SCP (Semi-Crystalline Polymer). Lớp phủ: Hydrophobic. Đường kính bóng: 2mm, 2.5mm, 3mm, 3.5mm, 4mm, 5mm, 6mm, 7mm. Chiều dài bóng: 20mm, 40mm, 60mm, 80mm, 120mm, 150mm, 170mm, 200mm. Chiều dài hệ thống: 90cm, 130cm, 150cm. Marker: 2 marker rập khuôn.	Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		Hệ thống dây dẫn: 0.018". Đạt chứng nhận: FDA, CFS, ISO, CE.		
69.	Bóng nong (balloon), bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, bóng tách rời, bóng chẹn các loại, các cỡ	Bóng nong mạch ngoại vi đa chức năng bao gồm 3 phần: Ống thông hỗ trợ, dụng cụ nong và bóng can thiệp ngoại biên có thể điều chỉnh kích cỡ. 1. Ống thông hỗ trợ: với vật liệu PTFE, cho phép bơm cản quang ở vị trí tổn thương và cấu tạo phủ polymer dạng bền chống biến dạng. 2. Dụng cụ nong: với đầu tip của dụng cụ nong làm bằng vật liệu thép không gỉ và đầu có hình dạng thuôn ô-liu dễ dàng di chuyển và quan sát. 3. Bóng can thiệp ngoại biên có vật liệu bằng SCP (Semi-Crystalline Polymer) với kích thước đa dạng: - Hệ thống 4F (tương thích dây dẫn 0.014"): + Đường kính: 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm. + Chiều dài có thể điều chỉnh được: 20mm-180 mm. + Áp lực thường (NP): 8atm, áp lực tối đa (RBP): 14atm-16atm. - Hệ thống 6F (tương thích dây dẫn 0.018"): + Đường kính: 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7mm. + Chiều dài có thể điều chỉnh được: 20mm-180mm (đối với đường kính 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm) và 20mm-100mm (đối với đường kính 7.0mm). + Áp lực thường (NP): 6atm, áp lực tối đa (RBP): 12atm-14atm. Hệ thống tương thích với dây dẫn 0.014" và 0.018". Đạt chứng nhận: FDA, CFS, ISO, CE.	Cái	5
70.	Bóng nong (balloon), bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, bóng tách rời, bóng chẹn các loại, các cỡ	Bóng can thiệp ngoại biên có vật liệu SCP (Semi-Crystalline Polymer) có thể điều chỉnh được chiều dài tương ứng với chiều dài tổn thương cần can thiệp. Bóng có cấu tạo OTW và có 3 hoặc 5 nếp gấp tùy theo kích thước tương thích với dây dẫn 0.014" và 0.018". Bóng nong Oscar với vật liệu bằng SCP (Semi-Crystalline Polymer) được phủ lớp kỵ nước và có kích thước đa dạng: - Hệ thống 4F (tương thích dây dẫn 0.014"): + Đường kính: 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm. + Chiều dài có thể điều chỉnh được: 20mm-180mm.	Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		+ Áp lực thường (NP): 8atm, áp lực tối đa (RBP): 14atm-16atm. - Hệ thống 6F (tương thích dây dẫn 0.018'') + Đường kính: 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7mm. + Chiều dài có thể điều chỉnh được: 20mm-180mm (đối với đường kính 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm) và 20mm-100mm (đối với đường kính 7.0mm). + Áp lực thường (NP): 6atm, áp lực tối đa (RBP): 12atm-14atm. Chỉ điểm cản quang: 3 chỉ điểm đối với đường kính 2.0mm-6.0mm và 2 chỉ điểm đối với đường kính 7.0mm. Phần thân của bóng có hai kích thước: 3.5F (đối với đường kính 2.0mm - 3.5mm) và 5.1F (đối với đường kính 4.0mm - 7.0mm) và thiết kế nòng kép. Đạt chứng nhận: FDA, CFS, ISO, CE.		
71.	Bóng nong (balloon), bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, bóng tách rời, bóng chặn các loại, các cỡ	Thiết kế hệ thống: Over The Wire. Dạng bóng: Controlled Compliance (kỹ thuật xếp 5 cạnh đối với đường kính bóng từ 5mm - 12mm, 3 cạnh đối với đường kính từ 3mm - 4mm, giúp bóng xếp nhỏ lại). Chất liệu bóng: SCP (Semi-Crystalline Polymer). Lớp phủ: Hydrophobic. Đường kính bóng: 3mm, 4mm, 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm, 12mm. Chiều dài bóng: 20mm, 40mm, 60mm, 80mm, 100mm, 120mm, 150mm, 170mm, 200mm, 250mm. Chiều dài hệ thống: 90cm, 130cm, 170cm. Marker: 2 marker rập khuôn. Áp suất tối đa: 21atm. Hệ thống dây dẫn: 0.035". Đạt chứng nhận: FDA, CFS, ISO, CE.	Cái	5
72.	Bóng nong (balloon), bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, bóng tách	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên áp lực cao. Thiết kế hệ thống: Over The Wire. Kỹ thuật xếp bóng: 3 cạnh (đường kính 3mm-9mm), 5 cạnh (10mm-12mm).	Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
	rời, bóng chẹn các loại, các cỡ	Chất liệu bóng: Nylon/Pebax. Đường kính bóng: 3mm, 4mm, 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm, 12mm Chiều dài bóng: 20mm, 40mm, 60mm, 80mm, 100mm. Chiều dài hệ thống: 40cm, 75cm. Marker: 2 marker chắn bức xạ, đảm bảo chính xác vị trí bóng. Áp suất tối đa: 27atm. Hệ thống dây dẫn: 0.035". Đạt chứng nhận: CFS, ISO, CE.		
73.	Bóng nong (balloon), bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, bóng tách rời, bóng chẹn các loại, các cỡ	Bóng phủ thuốc Phủ thuốc: Paclitaxcel (chống tăng sinh) và butyryl-tri-hexyl citrate (BTHC) với công nghệ phủ Lux giúp tăng hiệu quả phóng thích thuốc vào mạch máu, với mật độ phủ thuốc là $3\mu\text{g}/\text{mm}^2$. Đường kính bóng: 2mm-7mm. Chiều dài bóng: 40mm-120 mm. Chiều dài hệ thống: 90cm, 130cm, 150cm. Marker: 2 marker rập khuôn. Áp lực vỡ bóng: 15atm ($\varnothing$ 2.0mm-5.0mm), 12atm ($\varnothing$ 6.0mm-7.0mm). Hệ thống dây dẫn: 0.018". Đạt chứng nhận: CFS, ISO, CE.	Cái	5
74.	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ khác	Giá đỡ bung bằng bóng Thiết kế stent: "Double Helix" giúp tạo nên tính tương thích và linh hoạt của stent. Thiết kế hệ thống: Over the Wire. Chất liệu: Cobalt Chromium. Độ dày thân stent: 110μm (đường kính 5mm-7mm), 140μm (đường kính 8mm-10mm). Lớp phủ: proBIO (Amorphous Silicone Carbide). Đường kính: 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm. Chiều dài: 18mm, 28mm, 38mm, 58mm, 78mm. Chiều dài hệ thống: 90cm, 130cm, 170cm.	Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		Marker: 2 marker rập khuôn (bóng). Sheath tương thích: 6F (toàn bộ kích cỡ). Hệ thống dây dẫn: 0.035". Đạt chứng nhận: CFS, ISO, CE.		
75.	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ khác	Thiết kế stent: "Peak-to-Valley" và "S-articulations" giúp tạo nên tính tương thích và linh hoạt của stent. Thiết kế hệ thống: Over The Wire. Chất liệu: Nitinol. Lớp phủ: proBIO (Amorphous Silicone Carbide). Đường kính: 7mm-10mm. Chiều dài: 30mm-80mm. Chiều dài hệ thống: 70cm, 120cm. Marker: 4 marker bằng vàng ở mỗi cuối giá đỡ, tăng khả năng nhìn thấy. Hệ thống dây dẫn: 0.035". Đạt chứng nhận: FDA, CFS, ISO, CE.	Cái	5
76.	Stent động mạch chi các loại, các cỡ	Thiết kế stent: "Peak-to-Valley" và "S-articulations" giúp tạo nên tính tương thích và linh hoạt của stent. Thiết kế hệ thống: OTW. Chất liệu: Nitinol. Độ dày thân stent: 140µm. Chiều rộng thân stent: 85µm. Lớp phủ: proBIO (Amorphous Silicone Carbide). Đường kính: 4mm-7mm. Chiều dài: 20mm-200mm. Chiều dài hệ thống: 90cm, 135cm. Marker: 6 marker bằng vàng ở mỗi cuối giá đỡ, tăng khả năng nhìn thấy. Hệ thống dây dẫn: 0.018". Đạt chứng nhận: FDA, CFS, ISO, CE.	Cái	5
77.	Stent động mạch chi các loại, các cỡ	Thiết kế stent: "Peak-to-Valley" và "S-articulations" giúp tạo nên tính tương thích và linh hoạt của stent.	Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		Thiết kế hệ thống: OTW. Chất liệu: Nitinol. Độ dày thân stent: 140µm. Chiều rộng thân stent: 85µm. Lớp phủ: proBIO (Amorphous Silicone Carbide). Đường kính: 5mm-7mm. Chiều dài: 30mm-200mm. Chiều dài hệ thống: 90cm, 135cm. Marker: 6 marker bằng vàng ở mỗi cuối stent, tăng khả năng nhìn thấy. Hệ thống dây dẫn: 0.035". Đạt chứng nhận: CFS, ISO, CE.		
78.	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu các loại, các cỡ (bao gồm: kim chọc, dây dẫn, ống có van tạo đường vào lòng mạch - introducer sheath)	Dụng cụ mở đường quay Prelude 4F, 5F, 6F - Chất liệu polyethylene - Hemostasis valve ngăn chặn máu rò rỉ - Có snap fit dilator chống trượt khi đưa dụng cụ - Kích cỡ 4F, 5F, 6F; chiều dài 7 cm hoặc 11 cm (tùy mã các sản phẩm) - Hub colour: 4F (màu đỏ), 5F (màu xám), 6F (màu xanh lá) - Có Guidewire kèm theo bằng thép không gỉ, có đầu cong hình J, đường kính 0.018", chiều dài từ 40cm - Có kèm theo kim chọc mạch 21Gx4cm, có khóa 3 ngã - Có Rotating Suture Ring xoay quanh thiết bị bề mặt nhãn, độ mở lớn. Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	30
79.	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu các loại	Dụng cụ mở đường đùi Prelude 5F, 6F, 7F, 8F - Chất liệu polyethylene - Hemostasis valve ngăn chặn máu rò rỉ - Có snap fit dilator chống trượt khi đưa dụng cụ - Đủ các cỡ 5F, 6F, 7F, 8F dài 11cm - Hub colour: 5F (màu xám), 6F (màu xanh lá), 7F (màu cam), 8F (màu xanh dương) - Có kèm theo kim chọc mạch 18Gx7cm, kèm dây dẫn bằng thép không gỉ đầu cong J, đường kính 0.038", chiều dài 50cm	Cái	30



STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Có khóa 3 ngã - Có Rotating Suture Ring xoay quanh thiết bị bề mặt nhẵn, độ mở lớn. Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ).		
80.	Ống thông (catheter) các loại	Ống thông chẩn đoán ngoại biên: - Ống thông làm bằng chất liệu Nylon Pebax. Bề mặt trơn, nhẵn, bền ở nhiệt độ cơ thể, chống gãy gấp tốt, thành ống mỏng. Chịu được áp lực dòng chảy cao - Thiết kế bên dây tăng khả năng kiểm soát và lực đẩy - Tay cầm có cánh, làm bằng chất liệu Polycarbonate nâng cao khả năng xử lý và kiểm soát - Bộ phận Strain relief tăng khả năng truyền lực giữa phần ống thông và tay cầm - Đầu tip nhớ hình tốt. Đầu tip mềm không gây tổn thương lòng mạch. Đầu tip trắng đục đảm bảo hình ảnh và vị trí đặt chính xác - Hình ảnh trực hiển thị tốt khi chụp mạch - Kiểu đầu: Vertebral, Simmons, Bentson, Shepherd Hook, Cobra,.... - Ống thông kích cỡ 5F, đường kính 0.046"/ 1.17 mm. - Chiều dài 65 cm và 100 cm (tùy mã sản phẩm) - Tương thích với dây dẫn 0.038" (0.97 mm) Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	50
81.	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu kiểu Cross-cut, dài 7cm đến 10cm	Cấu tạo gồm: - Kim chọc mạch cỡ 18G hoặc 20G - Mini plastic guide wire cỡ 0.025" hoặc 0.035", dài 45cm- Bơm tiêm 2.5ml - Introducer sheath- Dilator (que nong) Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F, dài 7cm hoặc 10cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene) Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA (510k)	Hộp/5 cái	20

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
82.	Dụng cụ mở đường can thiệp mạch máu ngoại biên với cấu tạo 3 lớp, lớp phủ ái nước tại đầu xa, van có thể tháo rời	Cấu tạo 3 lớp gồm: lớp trong PTFE, cuộn thép không gỉ ở giữa và lớp ngoài nylon - Lớp phủ ái nước tại đầu xa dài 35cm hoặc 60cm - Đầu vào không gây tổn thương thành mạch - 03 điểm đánh dấu cản quang: sheath, dilator và điểm đánh dấu bằng vàng (gold coil) - Van có thể tháo rời, gồm 2 loại: van kiểu Cross-cut và van Tuohy-Borst Kích cỡ:- Chiều dài: 45cm; 65cm; 90cm - Đường kính trong: 5Fr; 6Fr; 7Fr; 8Fr - Tương thích với dây dẫn 0.038" - Kiểu đầu: Straight	Cái	20
83.	Catheter hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại vi với cấu trúc trục bên kép thép không gỉ, ba điểm đánh dấu cản quang và lớp phủ ái nước hydrophilic	Cấu tạo: - Trục bên kép thép không gỉ giúp tăng cường khả năng đẩy và kiểm soát mô-men xoắn - Đường kính đầu vào nhỏ và vuốt thon 12mm đầu tip (dây dẫn 0.035"), giúp chuyển tiếp mượt mà giữa dây dẫn và catheter, hỗ trợ dễ dàng tiếp cận và vượt qua tổn thương - Ba điểm đánh dấu cản quang: điểm đánh dấu đầu tiên cách đầu xa 1 mm; khoảng cách giữa các điểm là 40 mm và 60 m - Kiểu đầu thẳng và cong 30 độ - Lớp phủ ái nước hydrophilic 400mm Kính thước: - Tương thích dây dẫn 0.035"/0.89mm hoặc 0.018"/0.46mm - Chiều dài: 65cm, 90cm, 135cm và 150cm Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA(510k)	Cái	20
84.	Dụng cụ đóng mạch với khả năng tự tiêu và cơ chế cầm máu kép	Cấu tạo gồm các thành phần sau: - Dụng cụ đóng mạch - 01 dây dẫn cỡ 0.035" hoặc 0.038" dài 70cm - 01 dilator- 01 sheath Bộ đóng mạch sử dụng cơ chế cầm máu kép với móc neo bên trong lòng	5 Cái/ Hộp	1



STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		mạch và collagen bên ngoài lòng mạch, được giữ bởi chỉ tự tiêu giúp cố định tại vị trí cần đóng mạch. Các bộ phận lưu lại trong cơ thể đều có khả năng tự tiêu sinh học, được hấp thụ trong vòng từ 60 - 90 ngày. Kích cỡ: 6Fr và 8Fr Tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA		
85.	Mạch máu nhân tạo ePTFE thẳng cỡ 6-7-8mm x 80cm, có vòng xoắn toàn phần	Chất liệu: ePTFE (độ xốp của mạch: 20 +/- 10 µm), vòng xoắn ngoài toàn phần chất liệu PTFE - Độ dày thành mạch 0,63mm. Đường kính trong 6-7-8mm, Dài 80cm - Sức chịu kéo chỉ khâu: min. 300 grams. - Sức chịu nén trung bình tối thiểu (+/- SD) : 218 +/- 31 psi - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA Xuất xứ: nhóm nước G7	1 Cái/ Hộp	5
86.	Mạch máu nhân tạo Polyester chữ Y các cỡ dài 50cm, kiểu đan, tráng collagen	- Chất liệu: Polyester kiểu đan ngậm tằm Collagen nguồn gốc da bò tinh khiết loại I - Khả năng thấm nước: tối đa 0.1 ml/cm2/phút tại 120 mmHg - Bảo quản ở nhiệt độ từ 0 - 30 độ C - Mạch máu dạng chữ Y với các kích thước: 14mm x 7mm, 16mm x 8mm, 18mm x 9mm. Dài 50cm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA Xuất xứ: nhóm nước G7	1 Cái/ Hộp	15
87.	Ống nối động mạch cảnh tạm thời	- Chất liệu: Polyurethane không chứa latex - Dài 31 cm, đường kính 8F-9F - Có bóng bịt 2 đầu không gây chấn thương, có mã hóa màu và vạch đánh dấu độ sâu theo cm - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA Xuất xứ: nhóm nước G7	01 cái/hộp	5
88.	Bình dẫn lưu ngực kín di động	Thể tích: 2200ml + Không cần nước để hoạt động + Giúp xác nhận tình trạng không còn rò khí + Được thiết kế với van Scheffler (van 1 chiều)	1 chiếc/hộp	20

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (điều chỉnh)	Đơn vị tính	Số lượng
		+ Tái tạo áp lực âm trong khoang màng phổi, giúp phổi nở trở lại + Có chế độ hút chủ động và hút di động + Có kẹp ống dạng con lăn + Thiết kế nhỏ gọn, nhẹ, và có thể đặt được ở nhiều tư thế khác nhau, giúp dễ dàng vận chuyển bệnh nhân + Có cổng lấy mẫu không cần kim + An toàn khi sử dụng + Không cần phải kẹp ống dẫn lưu		
89.	Keo sinh học dán mô, cầm máu 5ml	Chỉ định: - Gắn dán, bịt kín và/ hoặc gia cố mô trong các phẫu thuật mạch máu, tim, lồng ngực, phẫu thuật tổng quát, tiết niệu - sinh dục, thần kinh, tai mũi họng, cột sống. Thành phần: Albumin huyết thanh bò (BSA) 45% và glutaraldehyde 10% - Là protein hydrogel chứa BSA và 65% nước Đặc điểm kỹ thuật: - Chịu được áp lực hơn 1000mmHg - Xylanh hai nòng Thể tích: 5ml Tiêu chuẩn đóng gói: được cung cấp tiệt trùng bao gồm 1 tuýp keo 5ml và 4 vòi bơm keo tiêu chuẩn Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: Châu Âu	1 Tuýp/ Gói	1
90.	Ống thông lấy huyết khối các cỡ 2F-7F	- Chất liệu bóng: Latex - Đường kính các cỡ 2F, 3F, 4F, 5F, 6F, 7F. Dài 80cm. - Đường kính bóng lần lượt 4,5mm, 8mm, 10,5mm, 13mm, 13,5mm, 14mm. Thể tích bóng 0,05ml, 0,2ml, 0,75ml, 1,5ml, 1,6ml, 1,75ml - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA Xuất xứ: nhóm nước G7	1 Cái/ Ống	50



Phụ lục II MẪU BÁO GIÁ

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ
Địa chỉ - SĐT liên hệ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRÀ VINH

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số: ngày .../.../..... của Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh, chúng tôi, *Tên đơn vị báo giá* báo giá cho hàng hoá như sau:

1. Danh mục hàng hoá:

STT	Danh mục hàng hoá	Tên thương mại hàng hoá dự thầu	Quy cách đóng gói	Mã vật tư y tế theo QĐ5086 /TT04 (nếu có)	Chủng loại (Model/ Ký mã hiệu)	Số lưu hành hoặc số GPNK/ ngày cấp	Phân loại TTBYT / ngày cấp	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Khối lượng dự thầu	Đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn giá (VND) Đã bao gồm thuế, phí, các dịch vụ có liên quan	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
Tên phần (lô)																

Thời hạn có hiệu lực của báo giá: *Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày hết hạn nhận báo giá.*

2. Địa điểm cung cấp và các yêu cầu về vận chuyển:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh, Số 399, đường Nguyễn Đáng, phường Nguyệt Hóa, tỉnh Vĩnh Long.

- Yêu cầu về vận chuyển:

+ Nhà thầu cung cấp, vận chuyển, lắp đặt hoàn chỉnh hàng hoá đến địa điểm cung cấp.

+ Chi phí đã bao gồm thuế và các dịch vụ có liên quan.

3. Chúng tôi xin cam kết:

- Không trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp

- Giá trị của hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

_____, ngày __ tháng __ năm ____
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp